

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN HÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Hà Nội, tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
2	Báo cáo của Kiểm toán viên	4 - 5
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	9
	<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	10 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền hình (sau đây được viết tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền hình là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Công nghệ và Truyền hình theo Quyết định số 233/QĐ-BVHTTDL ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Bộ và Quyết định số 975/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 04 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Văn Hóa, Thể thao và Du lịch về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công nghệ và Truyền hình.

Công ty hoạt động theo “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần” với mã số doanh nghiệp là 0101334094, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2010 và sửa đổi lần thứ nhất ngày 03 tháng 07 năm 2015- “Chuyển đổi từ Công ty phát triển Công nghệ và Truyền hình cấp ngày 23/01/2003 theo Quyết định số 3676/QĐ-BVHTTDL ngày 15/10/2010 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là: 40.040.930.000 đồng. Trong đó:

- Vốn Nhà nước là 17.450.930.000 đồng tương đương với 43,6% Vốn Điều lệ.
- Vốn của các tổ chức, cá nhân khác là 22.590.000.000 đồng tương đương với 56,4% Vốn Điều lệ.

Toàn bộ số cổ phần 4.004.093 là cổ phần phổ thông.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 5, Phố Thi Sách, Phường Ngõ Thi Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty:

- Tư vấn công nghệ, cung cấp, lắp đặt và chuyển giao công nghệ các hệ thống thiết bị đồng bộ cho ngành phát thanh, truyền hình, văn hóa, thể thao.
- Thi công nội thất, decor và cung cấp thiết bị đồng bộ hoàn chỉnh cho studio truyền hình, phòng hòa nhạc, nhà hát, công trình thể thao và thiết bị biểu diễn cho ngành văn hóa khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến thời điểm lập Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị

+ Ông Vũ Dũng Tiến	Chủ tịch HĐQT
+ Bà Phạm Kim Chi	Thành viên HĐQT
+ Ông Lương Hữu Tuấn	Thành viên HĐQT
+ Ông Vũ Công Tường	Thành viên HĐQT
+ Ông Cao San	Thành viên HĐQT

Ban Tổng Giám đốc

+ Ông Vũ Dũng Tiến	Tổng Giám đốc
+ Ông Lương Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
+ Ông Phạm Vinh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
+ Bà Vũ Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán kèm theo Báo cáo này.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM- Thành viên của hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Trách nhiệm và cam kết của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp có sự kiện bất thường xảy ra buộc Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc Công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tổng Giám đốc



Số: 149/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ TRUYỀN HÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền hình, được lập ngày 24/02/2017, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các qui định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Chúng tôi không tham gia kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2016. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi xác định được tính đúng đắn và hiện hữu của các khoản mục này tại thời điểm nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính do các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến quá trình lập báo cáo tài chính.



Nguyễn Tài Dũng**Phó Tổng Giám đốc***Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:
0133-2015-137-1***Thay mặt và đại diện cho****Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM***Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2017*

Đỗ Thị Thu Hương**Kiểm toán viên***Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề số:
1417-2015-137-1*

Mẫu số B01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		264.739.400.796	190.933.089.176
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	31.504.853.535	32.815.230.942
1. Tiền	111		31.504.853.535	32.815.230.942
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu	130		125.585.221.943	121.834.368.003
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	97.153.240.637	102.899.606.233
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.775.585.769	18.447.502.801
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	4.656.395.537	487.258.969
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	138			
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	105.482.724.692	35.260.896.632
1. Hàng tồn kho	141		105.482.724.692	35.260.896.632
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.166.600.626	1.022.593.599
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			1.022.593.599
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.166.600.626	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.08		
4. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			26.332.693.394	28.377.612.597
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		8.552.510.158	9.274.974.759
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	8.552.510.158	9.274.974.759
- Nguyên giá	222		13.984.061.317	13.798.061.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.431.551.159)	(4.523.086.558)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		17.780.183.236	19.102.637.838
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	17.780.183.236	19.102.637.838
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			291.072.094.190	219.310.701.773

Mẫu số B01- DN

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		249.163.705.762	178.368.319.463
I. Nợ ngắn hạn	310		249.163.705.762	178.368.319.463
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	71.382.184.017	43.820.437.599
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		41.235.316.000	46.443.949.780
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	620.166.998	2.236.813.985
4. Phải trả người lao động	314		2.002.296.722	2.381.689.602
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.09	10.238.544.910	
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.10	2.980.000.000	980.000.000
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	8.430.886.180	14.779.235.711
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	102.640.537.331	57.632.792.241
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.633.773.604	10.093.400.545
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.908.388.428	40.942.382.310
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	41.908.388.428	40.942.382.310
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.040.930.000	40.040.930.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.867.458.428	901.452.310
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421			
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			291.072.094.190	219.310.701.773

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Người lập



Nguyễn Lương Ngọc

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Huyền

Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc



Vũ Dũng Tiến

Mẫu số B02- DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Từ 04/07/2015 đến 31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	522.752.534.080	342.219.267.017
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		522.752.534.080	342.219.267.017
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	496.425.242.792	327.860.387.658
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.327.291.288	14.358.879.359
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.075.108.894	29.212.580
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	6.720.403.646	1.774.481.750
- Trong đó: Chi phí lãi vay			4.408.292.500	1.192.259.847
8. Chi phí bán hàng	24		1.421.895.579	879.844.686
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.464.842.718	5.313.165.005
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.795.258.239	6.420.600.498
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		43.186.230	
13. Lợi nhuận khác	40		(43.186.230)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.752.072.009	6.420.600.498
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.05	1.385.371.362	1.412.532.110
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.366.700.647	5.008.068.388
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.06	1.340	1.251

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Người lập



Nguyễn Lương Ngọc

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Huyền

Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc



Vũ Dũng Tiến

Mẫu số B03- DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2016	Từ 04/07/2015 đến 31/12/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	574.574.980.577	283.619.803.860
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(434.157.025.340)	(175.322.405.826)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.641.280.188)	(7.731.016.695)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(3.677.029.726)	-
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.000.000.000)	(927.102.756)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.295.574.460	9.433.686
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(50.425.399.217)	(41.359.061.359)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.969.820.566	58.289.650.910
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn	21	(186.000.000)	24.481.294
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(186.000.000)	24.481.294
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	(500.806.839)	
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	48.557.182.920	22.266.073.000-
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(112.884.474.054)	(56.924.837.368)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.266.100.000)	(1.136.533.924)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(66.094.197.973)	(35.795.298.292)
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(1.310.377.407)	22.518.833.912
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.815.230.942	10.296.397.030
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	31.504.853.535	32.815.230.942

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc

Nguyễn Lương Ngọc

Vũ Thị Thanh Huyền

Vũ Dũng Tiến

